

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B V
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật; Ông Lê Văn Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên tòa:* Bà Cần Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/6/2024, tại Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐHPT ngày 25/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ HKTT: Thôn B, thị trấn T Đ, huyện B V, TP. Hà Nội

Nơi ở: Thôn L B, thị trấn T Đ, huyện B V, TP Hà Nội

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1967

Địa chỉ HKTT: Thôn B, thị trấn T Đ, huyện B V, TP. Hà Nội

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi kết hôn hợp pháp anh Lê Văn L trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T Đ, huyện B V ngày 02/12/2002. Sau kết hôn, vợ chồng chung

sống tại nhà bố mẹ anh L cho ở thôn B, thị trấn T Đ, huyện B V. Trong thời gian chung sống, anh L chơi cờ bạc nên đã bán dần nhà đất, đến cuối năm 2019 thì bán hết tài sản, mẹ con tôi phải đi thuê trọ sống. Lúc đầu anh L nói anh L đi làm xa, thỉnh thoảng về nhà trọ với mẹ con tôi. Tuy nhiên, anh L nói đi làm nhưng không có tiền mang về, không những thế anh L mỗi lần về mẹ con tôi có đồ đạc gì còn mang đi bán, khiến cuộc sống của mẹ con tôi vô cùng khó khăn, anh L cũng không quan tâm gì đến các con. Tôi nhận thấy hôn nhân giữa tôi và anh L không duy trì được nữa nên đầu năm 2024 tôi với anh L đã thỏa thuận ly hôn. Lúc đầu anh L đồng ý cùng tôi đến Tòa án giải quyết nhưng sau đó lại thay đổi và tuyên bố không đến Tòa án và đánh đập tôi mỗi lần về nhà trọ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của tôi và tâm lý của con nhỏ. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh L.

Về con chung: Tôi và anh L có hai con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/02/2004 và Lê Hồng H, sinh ngày 29/01/2015. Hiện cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm thể chất tâm thần, đã đi làm để tự nuôi bản thân nên tôi không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng với cháu Đ. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Hồng H đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B V tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Lê Văn L đều vắng mặt, không tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.*

Chính quyền địa phương thị trấn T Đ cung cấp thông tin: Anh Lê Văn L, sinh năm 1967 – HKTT: tại thôn B, thị trấn T Đ, huyện B V, Hà Nội kết hôn hợp pháp với chị Nguyễn Thị H, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T Đ ngày 02/12/2002. Sau kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, thị trấn T Đ. Mâu thuẫn giữa chị H và anh L như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được do anh chị không khai báo. Khoảng năm 2019, anh L, chị H đã bán nhà ở thôn B cho người khác, chị H thuê nhà tại thôn L B, thị trấn T Đ sinh sống cùng các con. Anh L không chung sống cùng chị H nhưng vẫn đi lại về địa phương, việc Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng với anh L tại địa phương đều được thực hiện theo quy định của pháp luật, tuy nhiên việc anh L không tham gia tố tụng thì địa phương không nắm được lý do.

Về con chung: Chị H, anh L có hai con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 19/02/2004 và Lê Hồng H, sinh ngày 29/01/2015. Cháu Lê Văn Đ đã trưởng thành,

không có nhược điểm thể chất, tâm thần. Cháu Lê Hồng H hiện sống cùng chị Nguyễn Thị H và theo học phổ thông tại địa phương.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung giữa anh L và chị H có những gì thì địa phương không nắm được, tại địa phương không có thông tin anh chị tranh chấp tài sản với nhau.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lê Văn L đều có hộ khẩu thường trú tại huyện B V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B V – TP Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy HĐXX xét xử giải quyết vắng mặt anh L và chị H theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn L kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND thị trấn T Đ, huyện B V ngày 02/12/2002 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ vấn đề kinh tế gia đình, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống chung và nuôi dạy các con. Do khó khăn kinh tế không khắc phục được, vợ chồng bất đồng quan điểm nên anh chị đã không còn chung sống cùng nhau. Chị H khởi kiện ly hôn, anh L không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng xét việc vợ chồng đã không chung sống cùng nhau và không khắc phục được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của H đối với anh L là phù hợp.

Về con chung: Lời khai của chị H và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án xác định chị H, anh L có hai con chung là Lê Văn Đạt, sinh ngày 19/02/2004 và Lê Hồng H, sinh ngày 29/01/2015. Hiện cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm thể chất tâm thần. Cháu Đ có lời khai thể hiện bản thân đã tham gia lao động có thu nhập, không yêu cầu bố mẹ nuôi dưỡng và cấp dưỡng

Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Hồng H đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Lời khai cháu Lê Hồng H có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét yêu cầu nuôi con của chị H là chính đáng, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Lê Hồng H nên được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi cháu H, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị H trình bày không có. Anh L không trình bày quan điểm. Do vậy, Tòa án giải quyết không giải quyết vấn đề tài sản chung, công sức, nợ chung trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

[1]. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn L.

[2]. Về con chung: Có hai con chung là Lê Văn Đạt, sinh ngày 19/02/2004 và Lê Hồng Hạnh, sinh ngày 29/01/2015.

Cháu Lê Văn Đ đã trưởng thành, không có nhược điểm thể chất tâm thần nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng H, sinh ngày 29/01/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hồng H cho anh Lê Văn L cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không giải quyết

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số: 0014006 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án huyện B V, thành phố Hà Nội.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện B V
- Người tham gia tố tụng
- UBND TT T Đ
- Chi cục THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Phương Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã Vạn Xuân, TN, PT
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Lan

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã Phú Phương.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

Hoàng Trọng Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trọng Đức

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã Phú Phương.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã Phú Phương.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Đức